

Bản án số: 302/2017/DS-PT

Ngày 11 tháng 12 năm 2017

“V/v tranh chấp hợp đồng vay”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán:

- Ông Huỳnh Công Lý

- Bà Huỳnh Thanh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 21/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 802/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1961 – Vắng mặt.

Địa chỉ: 132/55A, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Kim Ron T1, sinh năm 1976; Địa chỉ: 200/19 Nguyễn Hữu Tiến, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng ủy quyền ngày 13/4/2015 – BL 22-24) – Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Văn H, sinh năm 1976 – Vắng mặt.

Địa chỉ: 242, ấp An Thuận, xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Đỗ Thị L2, sinh năm 1985; Cùng địa chỉ với ông Hồ Văn H (Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2016 – BL 118) – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hòa Bình – Trưởng Văn phòng luật sư Nguyễn Hòa Bình thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đỗ Thị L2, sinh năm 1985; Địa chỉ: 242, ấp An Thuận, xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An – Có mặt.

3.2. Bà Hồ Thị R, sinh năm 1980; Địa chỉ: APT BLK 12 Marsiling Lane #11-29, Singapore (Có đơn xin vắng mặt – BL 194).

3.3. Chị Nguyễn Thị Thảo T2, sinh năm 1982; Địa chỉ: Woodlands Dr 75 Bloock 688A 14-24 Singarpore 731688 (Có đơn xin vắng mặt – BL 181).

4. Người kháng cáo:

4.1. Bị đơn ông Hồ Văn H.

4.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/4/2015 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L1 và các lời khai tiếp theo của ông Kim Ron T1 đại diện cho bà L1 trình bày:

Vào ngày 06/12/2013, bà L1 có chuyển cho ông H số tiền 42.200.000 đồng thông qua bưu điện. Ông H đã nhận tiền và thỏa thuận bằng lời nói sau 3 tháng sẽ trả lại số tiền trên cho bà L1, nhưng ông H không thực hiện trả nợ. Bà L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H phải trả cho bà số tiền 42.302.499 đồng gồm nợ gốc 42.200.000 đồng, cước phí chuyển tiền 93.181 đồng, tiền thuế VAT 9.318 đồng và không yêu cầu tính lãi. Đối với việc vay mượn giữa bà R với chị T2 như thế nào thì bà không biết.

Tại bản tự khai ngày 28/5/2015 của bị đơn ông Hồ Văn H và các lời khai tiếp theo của bà Đỗ Thị L2 đại diện ông H trình bày:

Ông H không quen biết bà L1. Ông H có nhận số tiền 42.200.000 đồng tại bưu điện theo biên nhận gửi tiền ngày 06/12/2013, nhưng số tiền này là của em ruột của ông tên R ở nước ngoài gửi về, nên ông H không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà L1.

Tại bản khai ngày 28/5/2015 và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị L2 trình bày:

Bà là vợ của ông H, bà nhất trí với lời trình bày của ông H.

Tại bản tự khai ngày 06/9/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thảo T2 trình bày:

Khoảng tháng 12/2013, bà R có nói với chị rằng có người anh tên H đang cần số tiền 2.000 USD tương đương 42.200.000 đồng để mua đất nhưng bà R không có tiền. Nghe vậy nên chị T2 cho số điện thoại của mẹ chị là bà L1 để bà R cho lại ông H số điện thoại của mẹ chị và ông H tự liên lạc vay tiền của bà L1. Việc ông H vay tiền của bà L1 ở Việt Nam không liên quan đến việc bà R vay tiền của chị ở Singapore. Chị xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản tường trình ngày 04/11/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị R trình bày:

Vào năm 2013, bà hỏi vay chị T2 2.000 USD nhờ chị T2 chuyển về Việt Nam cho ông H là anh của bà. Bà đã trả đủ cho chị T2 số tiền bà vay 2.000 USD để chuyển về cho ông H, có giấy trả tiền kèm theo. Bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 21/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L1. Buộc ông Hồ Văn H và bà Đỗ Thị L2 phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền tổng cộng là 42.302.499 đồng (Bốn mươi hai triệu ba trăm lẻ hai nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, lãi suất do chậm thi hành án, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/02/2017, bị đơn ông Hồ Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L1.

Ngày 17/4/2017, người có quyền lợi. Nghĩa vụ liên quan Hồ Thị R có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét ông H không có vay tiền của bà L1, mà số tiền ông H đã nhận là do bà vay của chị T2 và bà đã trả cho chị T2 xong.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bà Đỗ Thị L2 đại diện cho ông Hồ Văn H giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà L1, vì số tiền 42.200.000 đồng ông H nhận ở bưu điện đã được em ruột của ông là bà R trả cho con của bà L1 là chị T2 2.000 USD xong.

Luật sư đề nghị xem xét ông H và bà L1 hoàn toàn không quen biết nhau, bản án sơ thẩm xác định ông H vay tiền của bà L1 là không có căn cứ. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện cho bà L1 cũng thừa nhận bà L1 chuyển tiền cho ông H theo yêu cầu của chị T2, như vậy có căn cứ để xác định số tiền ông H nhận ở Bưu điện chính là số tiền bà R nhờ chị T2 chuyển về Việt Nam cho ông H. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xem xét ông H đã có nhận 42.200.000 đồng của bà L1 nhưng chưa trả. Quan hệ tiền nong giữa bà R với chị T2 xảy ra ở nước ngoài, do đó bản án sơ thẩm tách ra cho đương sự vụ kiện khác là phù hợp, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn H, bà Hồ Thị R và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Hồ Thị R nhận được bản án sơ thẩm vào ngày 04/4/2017, nên đơn kháng cáo của bà R trong thời hạn luật định; Đơn kháng cáo của ông Hà Văn H cũng trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét giải quyết phúc thẩm.

[2] Bà Hồ Thị R và chị Nguyễn Thị Thảo T2 đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn Thị L1 do ông Kim Ron T1 đại diện không có kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét kháng cáo của ông Hồ Văn H cho rằng số tiền 42.200.000 đồng mà ông đã nhận là tiền của bà Hồ Thị R gửi về cho ông, nhưng theo giấy chuyển tiền qua bưu điện thể hiện người gửi tiền là bà Nguyễn Thị L1. Do đó, có căn cứ để xác định số tiền 42.200.000 đồng mà ông H nhận tại bưu điện là tiền của bà L1. Ông H trình bày bà L chuyển tiền cho ông ở Việt Nam thì em của ông là bà R sẽ trả tiền USD cho con của bà L1 là chị Nguyễn Thị Thảo T2 ở Singapore, nhưng bà L1 và chị T2 đều không thừa nhận có sự thỏa thuận này. Ngoài lời trình bày đơn phương của mình, ông H không chứng minh được bà L1 đồng ý cho bà R trả tiền cho chị T2 thay cho nghĩa vụ của ông H phải trả số tiền đã nhận cho bà L1. Theo quy định tại Điều 315 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì việc chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ phải được người có quyền đồng ý.

[4] Xét kháng cáo của bà Hồ Thị R cho rằng số tiền mà ông H nhận của bà L chính là số tiền mà bà đã vay của chị Nguyễn Thị Thảo T2 ở Singapore, chị T2 kêu mẹ của chị T2 là bà L1 giao tiền cho ông H ở Việt Nam thì bà R trả tiền cho chị T2 ở Singapore để khấu trừ và bà đã thực hiện việc trả nợ cho chị T2 xong. Lời trình bày của bà R không được bà L1 và chị T2 thừa nhận. Ngoài lời trình bày đơn phương của mình, bà R không xuất trình được chứng cứ chứng minh có việc thỏa thuận bà L1 giao tiền cho ông H ở Việt Nam thì bà R trả nợ cho chị T2 ở Singapore để khấu trừ. Tuy bà R có xuất trình xác nhận của Ngân hàng DBS ở Singapore có việc chuyển tiền từ tài khoản của ông T3 (theo bà R khai ông T3 là chồng của bà R) sang tài khoản số 403-28950-7 từ ngày 18/6/2014 đến ngày 26/01/2015 tổng cộng 610 Đôla Singapore, nhưng tài liệu này cũng không chứng minh được có sự thỏa thuận bà L1 giao tiền cho ông H ở Việt Nam thì bà R trả nợ cho chị T2 ở Singapore để khấu trừ.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy bản án sơ thẩm đã buộc ông H trả tiền cho bà L1 và nhận định bà R có quyền khởi kiện chị T2 trong vụ án khác là có căn cứ, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông H, bà R và lời bảo vệ của luật sư; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Bản án sơ thẩm tuyên số tiền lẻ đến 99 đồng sẽ không thi hành án được, cần đính chính làm tròn cho phù hợp.

[7] Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông H và bà R đều phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm, lãi suất do chậm thi hành án, trách nhiệm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn H; Không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị R; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 21/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L1. Buộc ông Hồ Văn H và bà Đỗ Thị L2 phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền tổng cộng là 42.302.500 đồng (*Bốn mươi hai triệu ba trăm lẻ hai nghìn năm trăm đồng*).

[3] Buộc ông Hồ Văn H phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và được khấu trừ tạm ứng án phí phúc thẩm ông H đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo phiếu thu số 0000675 ngày 28/02/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Buộc bà Hồ Thị R phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và được khấu trừ tạm ứng án phí phúc thẩm bà R đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo phiếu thu số 0000818 ngày 25/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm, lãi suất do chậm thi hành án, trách nhiệm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- Các đương sự (5);
- Lưu VP (3), DS (2), (15b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

